

SỞ TÀI CHÍNH QUẢNG TRỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THANH TRA SỞ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14 /KL - TTr

Quảng Trị, ngày 07 tháng 6 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA TÀI CHÍNH
tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Linh và các đơn vị trực thuộc

Thực hiện Quyết định số 11/QĐ-TTr ngày 28/3/2023 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về việc Thanh tra tài chính tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Linh & các đơn vị trực thuộc.

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả thanh tra số 03/BC-ĐTTr ngày 01/6/2023 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài chính Quảng Trị kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Khái quát về ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Linh

Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Linh (sau đây gọi tắt là các Trường) bao gồm: Phòng Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Phòng giáo dục) được thành lập tại Quyết định số 749/QĐ-UBND, ngày 18/4/2007 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh là cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, có chức năng tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, bao gồm: Mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP. Phòng Giáo dục và Đào tạo có 09 người gồm: 01 Trưởng phòng và 02 Phó trưởng phòng, 05 chuyên viên và 01 kế toán.

Các Trường (mầm non, tiểu học & THCS; PTDT nội trú) là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, được thành lập theo sự cho phép của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có tư cách pháp nhân, có khuôn dấu riêng, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước để giao dịch; Việc quản lý và sử dụng các nguồn ngân sách cấp, hoạt động tài chính, nguồn thu dịch vụ và nguồn khác của các Trường thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính có liên quan và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày

1. Thanh tra việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1.1. Việc lập và phân bổ dự toán ngân sách

- Căn cứ lập và phân bổ dự toán

+ Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

+ Trên cơ sở Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Vĩnh Linh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị thuộc huyện quản lý; Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vĩnh Linh tham mưu UBND huyện giao dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2022 tại Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Vĩnh Linh và được điều chỉnh tăng, giảm tại Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh về điều chỉnh giảm, bổ sung tăng kinh phí do tăng, giảm biên chế và bổ sung hoạt động sự nghiệp giáo dục năm 2022, cụ thể:

- Năm 2022, tổng số kinh phí giải ngân trong năm 237.666.204.939 đồng, trong đó: Nguồn ngân sách: 199.672.639.768 đồng, nguồn học phí: 6.748.200.099 đồng; Nguồn thu khác: 31.245.365.072 đồng. Để quản lý các nguồn nêu trên và một số nội dung tài chính liên quan; Phòng giáo dục và các Trường bố trí 01 kế toán có trình đại học theo chuyên ngành.

B. SỐ LIỆU

1. Nguồn ngân sách cấp

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	CÁC TRƯỜNG	PHÒNG GIÁO DỤC
1	Số dư năm trước chuyển sang	2.031.244.704	2.031.244.704	0
2	Ngân sách cấp trong năm	200.293.447.565	195.766.949.565	4.526.498.000
3	Số được sử dụng trong năm	202.324.692.269	197.798.194.269	4.526.498.000
4	Số đã sử dụng trong năm	199.672.639.768	195.298.263.148	4.374.376.620
5	Số dư còn lại	2.652.052.501	2.499.931.121	152.121.380

(Có bảng chi tiết đính kèm)

2. Nguồn học phí

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	MẦM NON	TH-THCS
1	Số dư năm trước chuyển sang	6.603.988.747	4.495.317.122	2.108.671.625
2	Thu trong năm	6.030.088.245	3.180.999.604	2.849.088.641
3	Số được sử dụng trong năm	12.634.076.992	7.676.316.726	4.957.760.266
4	Chi trong năm	6.748.200.099	4.433.705.618	2.314.494.481
5	Số dư còn lại	5.885.876.893	3.242.611.108	2.643.265.785

(Có bảng chi tiết đính kèm)

3. Nguồn thu khác

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	MẦM NON	TIỂU HỌC	TH-THCS
1	Số dư năm trước chuyển sang	3.532.923.703	1.422.603.573	1.022.249.540	1.088.070.590
2	Thu trong năm	31.326.773.220	13.100.799.961	10.314.691.305	7.911.281.954
3	Số được sử dụng trong năm	34.859.696.923	14.523.403.534	11.336.940.845	8.999.352.544
4	Chi trong năm	31.245.365.072	12.888.447.533	10.516.426.074	7.840.491.465
5	Số dư còn lại	3.614.331.851	1.634.956.001	820.514.771	1.158.861.079

(Có bảng chi tiết đính kèm)

C. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Đoàn thanh tra đã làm việc và lập 49 biên bản, trong đó: 01 Biên bản tại Phòng Giáo dục và 48 Trường, đã nêu ưu điểm và tồn tại với các nội dung sau:

I. Ưu điểm

1. Tổng số tiền giải ngân năm 2022: 237.666.204.939 đồng, cơ bản việc sử dụng đúng mục đích và tiết kiệm, là một trong những nhân tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Phòng giáo dục và các Trường.

2. Đã thực hiện tương đối tốt việc mở hệ thống sổ sách, sử dụng hệ thống tài khoản và lập báo cáo tài chính, quyết toán. Lập dự toán kinh phí theo quy trình của Luật Ngân sách và các văn bản QPPL hướng dẫn về việc lập dự toán.

3. Chấp hành tương đối tốt các chính sách tài chính hiện hành; đáp ứng việc tập hợp, quyết toán và xác định kết quả tài chính của nguồn kinh phí và nguồn thu đảm bảo theo hướng chính xác và trung thực.

4. Cơ bản chấp hành tốt chế độ quản lý, sử dụng tài sản do ngân sách cấp và coi như ngân sách; tổ chức lưu trữ, sắp xếp chứng từ, tài liệu khoa học, thuận tiện cho công tác thanh tra.

5. Chấp hành phân cấp quản lý: cụ thể quản lý ngân sách, phân cấp quản lý giá mua sắm tài sản ... đảm bảo quy định của pháp luật.

6. Công tác xây dựng cơ bản thực hiện tương đối nghiêm túc quy trình theo quy định pháp luật: Khảo sát, thiết kế, lập dự toán, thẩm định, thi công và nghiệm thu, đưa công trình vào sử dụng.

7. Các Trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thông qua Hội nghị viên chức và người lao động; đã phát huy có hiệu quả trong việc giải ngân các nguồn kinh phí & quản lý, sử dụng tài sản công do Phòng giáo dục và Nhà Trường quản lý, sử dụng.

II. Tồn tại

1. Lập Báo cáo quyết toán; Báo cáo tài chính

Các Trường gộp 02 báo cáo: Báo cáo Quyết toán; Báo cáo tài chính năm 2022 thành một báo cáo là không đúng quy định tại Điều 6- Báo cáo Quyết toán và Điều 7 - Báo cáo tài chính theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Đề nghị Nhà trường lập riêng hai báo cáo: Báo cáo Quyết toán, Báo cáo Tài chính đảm bảo theo quy định nói trên.

Tại Báo cáo quyết toán - báo cáo tài chính có các tồn tại: Thừa báo biểu: Bảng đối chiếu dự toán tại kho bạc; Bảng xác nhận số dư tài khoản tiền gửi tại KBNN... theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính: Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Về công tác kiểm kê

Theo Điều 40 Luật kế toán 2015, cuối kỳ kế toán năm phải tiến hành kiểm kê TSCĐ, CCDC và tiền mặt nhằm xác định thừa, thiếu làm cơ sở để xử lý và thực hiện các bút toán liên quan phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính. Công tác kiểm kê TSCĐ, CCDC tại các Trường cơ bản đảm bảo, cụ thể: có tiến hành kiểm kê, đã ban hành Quyết định kiểm kê tài sản; Thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản (Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền); Trưởng các phòng, ban trực tiếp sử dụng tài sản; Kế toán và các ủy viên); Tiến hành kiểm kê theo kế hoạch; Tổng hợp số liệu chênh lệch thừa, thiếu; Xử lý số liệu lập báo cáo kết quả kiểm kê.

Tuy nhiên, một số Trường không có biên bản kiểm kê từng bộ phận; Không phản ánh số chênh lệch và kết quả xử lý số chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ kế toán; kiểm kê không đảm bảo về thời gian, ngày tháng; tiền mặt có tiền hành kiểm kê nhưng thời gian không đảm bảo; Hội đồng kiểm kê tài sản không đảm bảo (thiếu Trường các bộ phận quản lý, sử dụng tài sản); việc chỉ có Hiệu trưởng và Kế toán ký vào biên bản kiểm kê tài sản không xác định được trách nhiệm khi làm mất mát, hư hỏng tài sản.

Đánh giá, công tác kiểm kê một số Trường chưa được chú trọng, một trong nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch nguyên giá, hao mòn & giá trị còn lại đối với TSCĐ và giá trị đối với DCLB giữa sổ sách và thực tế.

3. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán

Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, đối với công tác kiểm kê tài sản (TSCĐ, CCDC) tại các Trường, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	BIÊN BẢN
1	Trường THCS Chu Văn An	1.000.000	Biên bản xử phạt vi phạm hành chính ngày 05/4/2023
2	Trường THCS Cửa Tùng	1.000.000	Biên bản xử phạt vi phạm hành chính ngày 10/4/2023

* **Nội dung xử phạt vi phạm hành chính:** Không phản ánh số chênh lệch và kết quả xử lý số chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ kế toán.

4. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công: Một số Trường đã phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào sổ sách kế toán để theo dõi và quản lý TK 213 - TSCĐ vô hình. Tuy nhiên, một số Trường nội dung này còn tồn tại:

+ Việc áp giá trị đất được phản ánh vào TK 213 đã quá lâu không còn phù hợp với giá trị thực hiện nay, yêu cầu Nhà trường căn cứ bảng giá đất theo quy định hiện nay để áp giá và phản ánh vào Sổ kế toán giá trị quyền sử dụng đất đảm bảo quy định.

+ Đề nghị các Trường sớm làm việc với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các điểm Trường đang quản lý để phản ánh vào Sổ kế toán theo dõi, quản lý đảm bảo theo quy định.

Các Trường chưa phản ánh đúng giá trị thực; chưa phản ánh và theo dõi các điểm Trường lẻ do chưa có Giấy chứng nhận QSD đất là trái với quy định khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công: "1. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là giá trị tài sản cố định được tính trong giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán

vào giá trị tài sản và theo dõi trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán; diện tích đất, hồ sơ về đất được ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị...”.

Ngoài các quy định trên, các Trường sớm triển khai thực hiện đảm bảo theo Quy định tại khoản 3 Công văn số 2225/UBND-TCTM ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, cụ thể: “Đối với các cơ sở nhà, đất thiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất liên hệ cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý có liên quan và quy định của pháp luật về đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng theo đúng quy định của pháp luật”.

5. Đến thời điểm thanh tra, các Trường chưa phản ánh hết tài sản đang quản lý, sử dụng vào phần mềm thuộc Dự án “Nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công” và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022, là chưa đảm bảo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Công văn số 480/BTC-QLCS ngày 13/01/2022 của Bộ Tài chính về việc triển khai hệ thống Phần mềm thuộc Dự án “Nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công”. Đề nghị các Trường sớm triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

6. Thực hiện Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị, nội dung này còn tồn tại:

- Các Trường đã mở sổ theo dõi TSCĐ, CCDC để phản ánh nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản nhằm theo dõi, quản lý; Tuy nhiên, việc phản ánh nguyên giá TSCĐ, CCDC của các tài sản chưa đảm bảo quy định nói trên, cụ thể:

+ TSCĐ đang phản ánh và theo dõi tại CCDC cụ thể: Bàn ghế Salon (15,2 tr); Máy in (6,5 tr); Bàn ghế tiếp khách (5tr)...không đảm bảo các danh mục là CC,DC. Đề nghị các Trường rà soát ghi giảm CCDC để phản ánh tăng TSCĐ theo dõi, quản lý theo quy định nói trên.

+ CCDC đang phản ánh và theo dõi tại TSCĐ có nguyên giá dưới 5 triệu, không phải là tài sản đặc thù, cụ thể: Máy in (3,350 tr); tivi LG (3,250 tr); kết sắt (1,5 tr)... không đảm bảo các quy định danh mục là TSCĐ. Đề nghị các Trường rà soát theo quy định nói trên.

7. Các Trường chưa chủ động rà soát đánh giá lại tài sản cố định, CC, DC đã hết hao mòn đã lâu, không còn sử dụng. Đề nghị các Trường thành lập hội đồng đánh giá lại tài sản cuối năm để thực hiện rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC cuối năm; trường hợp tài sản đó không còn sử dụng thì tiến hành thanh lý, thành lập Hội đồng thanh lý đảm bảo theo quy định; xác định nhu cầu mua sắm trang

thiết bị nhằm thay thế trang thiết bị đã cũ, không còn sử dụng để nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục.

8. Xử phạt vi phạm hành chính

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý sử dụng tài sản công thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dự trữ quốc gia, KBNN, đối với công tác quản lý sử dụng tài sản công tại các Trường, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	BIÊN BẢN
1	Trường Tiểu học Vĩnh Thủy	3.000.000	Biên bản xử phạt vi phạm hành chính ngày 25/4/2023
2	Trường Tiểu học và THCS Vĩnh Sơn	3.000.000	Biên bản xử phạt vi phạm hành chính ngày 24/4/2023

* **Nội dung xử phạt vi phạm hành chính:** Nhà trường tiến hành hợp đồng cho thuê để mở bán căng tin khi không có quyết định phê duyệt Đề án của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

9. Tại thời điểm 31/12/2022, các Trường nhận được Thông báo của cơ quan BHXH huyện Vĩnh Linh; thể hiện nội dung số nợ thừa, thiếu về BHXH, BHYT, BHTN. Về nguyên tắc số tiền này phải phản ánh tại TK công nợ phải thu hoặc phải trả, nhưng phần lớn các trường có số dư TK này bằng 0. Việc quản lý như vậy, chưa thực hiện tốt Luật kế toán và các văn bản QPPL có liên quan..

Thu hồi vào NSNN số tiền thể hiện nợ thừa BHXH nhưng không xác định được các khoản phải trả từ các năm trước chuyển sang, **với số tiền: 25.824.529 đồng**, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Thu hồi vào NSNN
1	Khối Mầm non	21.485.610
2	Khối Tiểu học	4.338.919
3	Khối Tiểu học và THCS	0
	Tổng cộng	25.824.529

(Có Bảng chi tiết các Trường đính kèm)

10. Xác định Quỹ tiền lương trong năm 2022

Trên cơ sở Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Vĩnh Linh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các

đơn vị thuộc huyện quản lý và Quyết định số 5226/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện Vĩnh Linh và được điều chỉnh tăng, giảm tại Quyết định số 4757/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh về điều chỉnh giảm, bổ sung tăng kinh phí do tăng, giảm biên chế và bổ sung hoạt động sự nghiệp giáo dục năm 2022.

Căn cứ Biên bản thanh tra tài chính tại các Trường xác định giữa Quỹ lương được giao và được điều chỉnh bổ sung tăng, giảm với Quỹ lương (Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp) thực tế tại Báo cáo Quyết toán năm 2022 đã được KBNN huyện Vĩnh Linh xác nhận. Số chênh lệch thu hồi vào ngân sách nhà nước và giảm trừ dự toán năm 2023 tại các Trường, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Thu hồi vào NSNN	Giảm trừ dự toán năm 2023
1	Khối Mầm non	666.781.701	76.108.593	590.673.108
2	Khối Tiểu học	473.298.622	100.010.897	373.287.725
3	Khối Tiểu học và THCS	417.722.678	52.101.819	365.620.859
	Tổng cộng	1.557.803.001	228.221.309	1.329.581.692

Trong đó:

Số tiền: 228.221.309 đồng, làm tròn: 228.221.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, hai trăm hai mươi một nghìn đồng)

(Có Bảng chi tiết các Trường đính kèm)

11. Thu khác: Từ nguồn xã hội hóa, tài trợ viên trợ và nguồn khác, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư năm 2021 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Số còn lại
1	Khối Mầm non	1.422.603.573	13.100.799.961	12.888.447.533	1.634.956.001
2	Khối Tiểu học	1.022.249.540	10.314.691.305	10.516.426.074	820.514.771
3	Khối Tiểu học và THCS	1.088.070.590	7.911.281.954	7.840.491.465	1.158.861.079
	Tổng cộng	3.532.923.703	31.326.773.220	31.245.365.072	3.614.331.851

* Nội dung này, còn có các tồn tại sau:

Các khoản thu từ nguồn xã hội hóa tại Các trường cơ bản thực hiện theo Nghị quyết 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn và Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn. Các khoản thu cơ bản các Trường đảm bảo theo quy định tại Điều 2 Quyết định 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh, cụ thể:

- Các Trường đã xây dựng Kế hoạch thu, chi từ đầu năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023 đã lấy ý kiến của Hội phụ huynh và cơ quan quản lý cấp trên theo phân cấp, trong đó:

- + Văn bản thỏa thuận của cha mẹ học sinh bằng văn bản;
- + Sự thống nhất của Hội đồng Nhà trường bằng Nghị quyết;
- + Phòng giáo dục và đào tạo phê duyệt;
- + Các khoản thu không hết cuối năm học phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc giảm vào dự toán thu năm sau.

Tuy nhiên, một số Trường chưa ban hành Nghị quyết của Hội đồng Nhà trường; cuối năm học số tiền còn lại chi không hết chưa lấy ý kiến của cha mẹ học sinh lựa chọn phương án: trả lại hoặc giảm vào dự toán thu năm sau mà cho chuyển sang năm học sau là không đảm bảo quy định tại Điều 2 Quyết định 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn.

Đề nghị các Trường rà soát các tồn tại nêu trên đảm bảo theo quy định.

12. Các khoản thu xã hội hóa của các Trường không đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ là không thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh: “Việc quản lý các khoản thu được quy định cụ thể về đối tượng thu, nội dung thu, nội dung chi, hình thức thu, tỷ lệ định mức chi được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục trên cơ sở nội dung đã được quy định trong Nghị quyết.”.

13. Các Trường chưa thực hiện báo cáo các khoản thu XHH theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 Quyết định 2364/QĐ-UBND của UBND tỉnh hướng dẫn Nghị quyết 101 của HĐND tỉnh quy định “... Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo phân cấp quản lý **trước ngày 20 tháng 11** hằng năm”; Nhà trường thực hiện báo cáo tại thời điểm xét duyệt quyết toán là không đảm bảo quy định nói trên.

14. Khoản thu tiền ăn các Trường PTDT bán trú tiểu học và Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, còn tồn tại như sau;

14.1. Đối với các Trường PTDT bán trú tiểu học: Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê.

STT	Nội dung	Số dư năm 2021 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Số còn lại
1	Trường PTDT bán trú tiểu học Vĩnh Ô	0	371.516.000	371.516.000	0
2	Trường PTDT bán trú tiểu học Vĩnh Hà	0	214.509.000	214.509.000	0
3	Trường PTDT bán trú tiểu học Vĩnh Khê	0	307.864.000	307.864.000	0
	Tổng cộng	0	893.889.000	893.889.000	0

Thực hiện chế độ chi chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh thực hiện theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ (UBND huyện cấp kinh phí chi trả tiền ăn cho học sinh đối tượng người đồng bào dân tộc thiểu số kinh phí được giao dự toán từ đầu năm và có rà soát bổ sung trong năm). Đề nghị các Trường căn cứ điểm d, đ Điều 9 Nghị định 116 để lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh trong trường hoặc trực tiếp phát gạo, tiền ăn cho học sinh đảm bảo theo quy định nói trên; không thu các khoản thu ngoài chế độ quy định.

14.2. Đối với Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh

Thực hiện chế độ bếp ăn tập thể cho học sinh đảm bảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Phổ thông dân tộc nội trú (nay là Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các Trường PTDT nội trú và các Trường dự bị đại học dân tộc.

15. Về công khai ngân sách

Các Trường cơ bản thực hiện việc công khai ngân sách; công khai các khoản thu xã hội hóa, tài trợ viện trợ và nguồn thu khác; việc công khai được thực hiện đảm bảo quy định tại Điều 4 Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ đảm bảo các biểu mẫu, các nguồn hỗ trợ, tài trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính đảm bảo theo quy định.

16. Một số Trường là đơn vị sự nghiệp được ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 4), tại Quy chế chi tiêu nội bộ quy định các nội dung trích lập Quỹ phúc lợi, Quỹ khen thưởng và Quỹ ổn định thu nhập. Trong năm,

đơn vị có số dư kinh phí chi hoạt động còn tồn cuối năm năm 2022 chuyển sang 2023, đây là nguồn tự chủ, chi hoạt động, định mức chi khác trên biên chế được giao, nhưng đơn vị chưa thực hiện đảm bảo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập: “1. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được. 2. Đơn vị sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo thứ tự như sau: Bổ sung thu nhập cho viên chức và người lao động; chi khen thưởng và phúc lợi”.

17. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ

- Tại Quyết định

+ Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung hằng năm không phải Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022

+ Điều chỉnh căn cứ theo hướng đảm bảo đầy đủ nội dung pháp lý: Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết Hội nghị Viên chức & người lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Nơi nhận: bổ sung Phòng TC-KH huyện Vĩnh Linh để theo dõi, quản lý; KBNN huyện Vĩnh Linh để kiểm soát chi.

- Tại Quy chế

+ Điều chỉnh cụm từ “cán bộ, giáo viên, nhân viên” bằng cụm từ “viên chức và người lao động” trong toàn bộ quy chế.

+ Bỏ Quỹ khen thưởng; Quỹ Phúc lợi đối với đơn vị ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 4) do đơn vị sự nghiệp Nhóm 4 không có Quỹ này.

+ Bổ sung tại khoản 1 điều 7 Chương II: “Theo Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022, trường hợp số giờ làm thêm trong 01 năm, từ 200 giờ đến 300 giờ/năm. Nhà Trường phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

18. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công

+ Điều chỉnh cụm từ “cán bộ, giáo viên, nhân viên” bằng cụm từ “viên chức và người lao động” trong toàn bộ quy chế.

- Tại Quyết định: Căn cứ điều chỉnh, căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản, Nghị định 151/2017/NĐCP của Chính phủ, Thông tư 144/TT-BTC của Bộ Tài

chính hướng dẫn Nghị định 151/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tại Quy chế: rà soát, viết lại theo hướng dẫn được quy định tại Điều 7 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

19. Về Xây dựng cơ bản từ nguồn tài trợ, viện trợ

Các Trường cơ bản chấp hành Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư và xây dựng. Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư. Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế và đo bóc khối lượng công trình. Nghị định số 146/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 12/2015/NĐ-CP về thuế GTGT và thuế TNDN.

Tuy nhiên, còn tồn tại:

- Một số công trình, trong dự toán lập có giá tạm tính là không có cơ sở, căn cứ để thanh toán; khi lập dự toán các công tác nếu không có đơn giá trong thông báo giá của Sở Xây dựng tại thời điểm lập dự toán thì đơn vị thiết kế phải lấy 03 bảng báo giá bên ngoài để làm cơ sở thanh toán.

- Một số công trình có thuê tư vấn giám sát. Tuy nhiên, đơn vị giám sát không có nhật ký giám sát thi công để xác định khối lượng thi công tại hiện trường theo quy định.

- Trong năm, một số Trường có sửa chữa 01 số hạng mục từ nguồn tài trợ nhưng đơn vị chưa nhập tăng tài sản.

Đề nghị các Trường rà soát các tồn tại nêu trên đảm bảo theo quy định.

20. Một số Trường đã hạch toán tăng tài sản, tuy nhiên chưa tách nguồn hình thành từ nguồn ngân sách, xã hội hóa, nguồn học phí. Yêu cầu đơn vị phải tách nguồn hình thành của nguồn học phí và xã hội hóa.

- Nhà trường đã tính hao mòn TSCĐ vô hình nhưng lại nhập chung với TSCĐ hữu hình là không phù hợp. Yêu cầu tách riêng phần hao mòn TSCĐ vô hình trên TK214.2

21. Trong năm, một số trường có thanh lý tài sản có quyết định thành lập hội đồng thanh lý, tiến hành thanh lý, tuy nhiên chưa lập danh mục tài sản để xác định nguyên giá; giá trị còn lại, hao mòn lũy kế để có cơ sở ghi giảm tài sản trên sổ kế toán.

- Đề nghị các Trường rà soát quy trình thanh lý tài sản là trụ sở, cơ sở hoạt động tại các Trường đảm bảo quy định tại Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quản lý sử dụng tài sản công và Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định phân

cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị kèm theo Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Chưa phản ánh nguồn thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản vào sổ kế toán, giá trị thu hồi và chi phí tháo dỡ.

22. Trong năm 2022, Trên cơ sở Kế hoạch thu, chi nguồn xã hội hóa, tài trợ viên trợ tại các Trường gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. Đề nghị Phòng GD&ĐT rà soát các nội dung đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn và Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn.

23. Bổ sung thông tin một số chứng từ, sổ sách chưa hoàn chỉnh.

- Một số chứng từ mua sắm, sửa chữa Hợp đồng, thanh lý hợp đồng không có ngày tháng; không có quyết định chỉ định thầu.

- Một số chứng từ thiếu chữ ký của Chủ tài khoản, kế toán trưởng, người mua hàng và người bán hàng; Công lệnh không ghi rõ nơi đi, nơi đến, còn tẩy sửa ngày tháng trên công lệnh

- Bổ sung một số chứng từ, hồ sơ mua sắm tài sản còn thiếu báo giá; thẩm định giá.

III. KIẾN NGHỊ

Để không ngừng nâng cao hiệu quả và hoàn thiện công tác quản lý tài chính đối với Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Linh, Thanh tra Sở Tài chính kiến nghị:

1. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vĩnh Linh

1.1. Tăng cường công tác kiểm tra đối với các Trường trong việc sử dụng kinh phí ngân sách cấp, các nguồn thu hợp pháp và các nội dung tài chính liên quan theo Luật Kế toán 2015 và Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính về quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán.

1.2. Chỉ đạo các Trường nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu tại Phần II Đánh giá công tác quản lý tài chính.

1.3. Đốc thúc các Trường nộp tiền vào ngân sách nhà nước, khi có Quyết định thu hồi của Thanh tra Sở Tài chính.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Linh

2.1. Nghiêm túc khắc phục các tồn tại tại Biên bản làm việc với Đoàn thanh tra ngày 18 tháng 5 năm 2023.

2.2. Chủ động rà soát kế hoạch và báo cáo thu, chi nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ tại các Trường đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND về quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn và Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục của Nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn.

2.3. Rà soát việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ tang gia tại Quyết định số 353a/QĐ-PGDĐT ngày 03/6/2019 của Phòng GD&ĐT huyện Vĩnh Linh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ tang gia của Phòng GD&ĐT huyện Vĩnh Linh đảm bảo theo quy định.

2.4. Đốc thúc các Trường nộp tiền vào ngân sách nhà nước, khi có Quyết định thu hồi của Thanh tra Sở Tài chính.

3. Các Trường: Tùy theo biên bản của từng Trường, nghiêm túc khắc phục các tồn tại:

3.1. Tách Báo cáo quyết toán, Báo cáo tài chính năm 2022 đảm bảo theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

3.2. Cuối kỳ kế toán năm phải tiến hành kiểm kê, TSCĐ, CCDC và tiền mặt nhằm xác định thừa thiếu làm cơ sở để xử lý và thực hiện các bút toán liên quan phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính được nêu tại khoản 2 Phần II tồn tại.

3.3. Các Trường nghiêm túc thực hiện việc điều chỉnh áp giá trị đất phân ánh vào Sổ kế toán đảm bảo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ và sớm làm việc với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quy định tại khoản 3 Công văn số 2225/UBND-TCTM ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, cụ thể: *“Đối với các cơ sở nhà, đất thiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất liên hệ cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý có liên quan và quy định của pháp luật về đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng theo đúng quy định của pháp luật”*.

3.4. Các Trường khẩn trương triển khai phần mềm thuộc Dự án “Nâng cấp cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công” được nêu tại khoản 5 Phần II tồn tại.

3.5. Rà soát, đánh giá lại TSCĐ, CCDC được nêu tại khoản 6, khoản 7 Phần II tồn tại.

3.6. Thu hồi vào NSNN số tiền: **25.824.529 đồng** (hai mươi năm triệu triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm hai mươi chín đồng) do nộp thừa

BHXX nhưng không xác định các khoản phải trả từ các năm trước chuyển sang được nêu tại khoản 9 Phần II tồn tại.

3.7. Xử lý về tài chính do chênh lệch giữa Quỹ lương được giao và được điều chỉnh tăng, giảm trong năm với Quỹ lương thực tế tại Báo cáo quyết toán năm 2022, với tổng số tiền: **1.557.802.692 đồng** (Một tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm không hai nghìn, sáu trăm chín mươi hai đồng) cụ thể:

- Thu hồi vào NSNN số tiền: **228.221.000 đồng** (Hai trăm hai mươi tám triệu, hai trăm hai mươi một nghìn đồng).

- Giảm trừ dự toán năm 2023 số tiền: **1.329.581.692 đồng** (Một tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm chín mươi hai đồng).

3.8. Nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu tại khoản 11, khoản 12, khoản 13 Phần II tồn tại.

3.9. Rà soát khoản thu tiền ăn các Trường PTDT bán trú tiểu học và Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh đảm bảo theo quy định được nêu tại khoản 14 Phần II tồn tại.

3.10. Chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung về công khai ngân sách, Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công được nêu tại khoản 15, khoản 16, khoản 17, Khoản 18, khoản 23 Phần II tồn tại.

3.11. Điều chỉnh, bổ sung hạch toán được nêu tại khoản 20 Phần II tồn tại

3.12. Rà soát quy trình thanh lý tài sản, các công trình xây dựng cơ bản từ nguồn tài trợ, viện trợ được nêu tại Khoản 19 Khoản 20 Phần II tồn tại.

3.13. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kế toán và Quản lý, sử dụng tài sản công tại một số Trường theo khoản 3, khoản 8 Phần II tồn tại.

4. Đối với Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Linh

4.1. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện Kết luận Thanh tra.

4.2. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc rà soát các Trường chưa có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất sớm liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đảm bảo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 3 Công văn số 2225/UBND-TCTM ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, cụ thể: *“Đối với các cơ sở nhà, đất thiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất liên hệ cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý có liên quan và quy định của pháp luật về đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng theo đúng quy định của pháp luật”*.

4.3. Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện tổ chức kiểm tra việc thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các Trường và tham mưu báo cáo tình hình thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 11 hằng năm